

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 11-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh;

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 191/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4325/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 9998/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu B, ấp C, xã D, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú: khu phố L1, phường T, thành phố S, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thu H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Mai Nguyên N, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: đường M, tổ E, ấp R, xã P, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường V, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Đỗ Mai Nguyên N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày :

Bà Huệ và ông Đỗ Mai Nguyên N quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 85/2016 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/7/2016.

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn xuất phát từ việc kinh doanh, chăm sóc gia đình, sinh hoạt, cách sống... dẫn đến việc ông Ngọc thường chửi bới, trách móc đánh đập có những hành vi bạo lực về thể xác lẫn tinh thần, thiếu tôn trọng bà H và gia đình của bà H. Bà H cho rằng bà có quan tâm chăm sóc gia đình đầy đủ nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ người chồng. Vì vậy vợ chồng không thể hàn gắn và xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017. Hiện tại đang do ông Đỗ Mai Nguyên N đang nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn - ông Đỗ Mai Nguyên N trình bày:

Về hôn nhân có đăng ký kết hôn theo trình bày bà H, nguyên nhân mâu thuẫn thì gia đình có cãi vã do cái tôi mỗi người lớn, vì vậy bà H thường xuyên đi về nhà mẹ ruột sống, ông N có liên hệ để vợ chồng hàn gắn nhưng bà H không về nhà. Nhưng theo ông N còn tình cảm không đồng ý ly hôn để được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017. Hiện tại đang do ông N đang nuôi dưỡng. Trong trường hợp ly hôn ông N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông N xác định không có nợ chung, trước đây ông khai nợ đó là nợ riêng ông N.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 191/2021/HNGĐ-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H ly hôn với ông Đỗ Mai Nguyên N. Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/7/2016 không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung chưa trưởng thành tên Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc ông Đỗ Mai Nguyên N giao trẻ Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Đỗ Mai Nguyên N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông Đỗ Mai Nguyên N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông Ngọc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Đỗ Mai Nguyên N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Đỗ Mai Nguyên N khai không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Đỗ Mai Nguyên N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Mai Nguyên N thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo phần tranh chấp nuôi con chung là trẻ Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện bà H có chỗ ở ổn định là nhà chị gái, có thu nhập từ việc làm là giáo viên mầm non và công việc làm thêm ngoài giờ. Bà H hiện là giáo viên mầm non nên có khả năng chăm sóc con tốt hơn. Trước đây, bà H nuôi con bà luôn tạo điều kiện cho ông N tới lui thăm con. Tại phiên tòa ở cấp sơ thẩm, ông N có trình bày ông không phải là người trực tiếp chăm sóc con mà ông bà nội mới là người trực tiếp chăm sóc trẻ H2. Trong thời gian trẻ H2 sống chung với ông N, ông N luôn cản trở việc bà H tới lui thăm con, cản trở quyền làm mẹ của bà H.

Từ những trình bày trên, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Đỗ Gia H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông N còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, ông N chỉ kháng cáo phần tranh chấp nuôi con. Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Đỗ Gia H2.

Xét thấy, Ông N và bà H đều có nguyện vọng được nuôi con, có chỗ ở, có việc làm và mức thu nhập ổn định nhưng việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo đến lợi ích và sự phát triển của trẻ. Bà H hiện là giáo viên mầm non nên có khả năng hiểu được tâm sinh lý của trẻ, con còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Ngoài ra, còn có nhận xét của trường mầm non trẻ H2 phát triển tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông N, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Mai Nguyên N không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông N làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện K cấp cho ông Đỗ Mai Nguyên N và bà Nguyễn Thị Hồng H ngày 28/7/2016 đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông N và bà H là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N :

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, ông N có sự thay đổi, không kháng cáo về quan hệ hôn nhân. Ông N đồng ý ly hôn với bà H . Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[3.2] Về việc nuôi con:

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của bà H và ông N đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho con.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy cả bà H và ông Ng đều có việc làm, mức thu nhập và chỗ ở ổn định, đều có điều kiện tốt để đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, cháu H2 hiện còn nhỏ nên cần được sự quan tâm và chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Bà H hiện là giáo viên mầm non nên có khả năng nắm bắt tâm lý của trẻ. Trước đây, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H2, cháu được nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường nên thiết nghĩ cần tiếp tục giao cháu H2 cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Từ nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N , cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N , y án sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Mai Nguyên N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Mai Nguyên N .

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 191/2021/HNGĐ-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H ly hôn với ông Đỗ Mai Nguyên N . Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/07/2016 không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có một con chung chưa trưởng thành tên Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc ông Đỗ Mai Nguyên N giao trẻ Đỗ Gia H2, sinh ngày 05/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Đỗ Mai Nguyên N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Đỗ Mai Nguyên N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Đỗ Mai Nguyên N khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0072612 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Đỗ Mai Nguyên N chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0073667 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện K, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện K, TP.HCM;
- UBND xã P, huyện K, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (Linh/14b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên